

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng
Công trình: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Kết luận số 1181-KL/TU ngày 23/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự án đầu tư xây dựng Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư dự án năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 28/10/2018, số 623/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh tại Tờ trình số 190/TTr-BQL ngày 16/5/2019 về việc thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong và Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại báo cáo kết quả thẩm định số 1869/SGTVT-QLCL ngày 22/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông; giảm ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến Quốc lộ 1, đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Khu Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ VSIP đến cầu Trà Khúc cũ; góp phần mở rộng không gian đô thị Quảng Ngãi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

4.1. Quy mô:

a) Tuyến chính:

- Điểm đầu: Giao với Quốc lộ 24B tại Km22+280, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi.

- Điểm cuối: Tại Km4+825 - Giáp ranh Khu Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ VSIP, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh.

- Chiều dài tuyến chính: 4,825km.

b) Tuyến nhánh:

- Điểm đầu: Giao với tuyến chính tại Km4+691.

- Điểm cuối: Giao với tuyến Quốc lộ 1 tại Km1048+744, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh.

- Chiều dài tuyến nhánh: Khoảng 1,29km.

4.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
I	Nền, mặt đường		
1	Cấp thiết kế đường (TCXDVN 104-2007)		Đường phố chính đô thị thứ yếu
2	Tốc độ thiết kế	Km/h	60
3	Bề rộng nền đường	m	31,0
4	Bề rộng mặt đường		
	Đoạn Km0 - Km4+691 và tuyến nhánh	m	19,0
	Đoạn Km4+691- Km4+825	m	15,0
5	Bề rộng dải phân cách		
	Đoạn Km0 - Km4+691 và tuyến nhánh	m	2,0
	Đoạn Km4+691- Km4+825	m	0,0
6	Vĩa hè		
	Đoạn Km0 - Km4+691 và tuyến nhánh	m	2 x 5,0 = 10,0
	Đoạn Km4+691- Km4+825	m	2 x 8,0 = 16,0

7	Dốc ngang mặt đường	%	2
8	Dốc ngang vỉa hè	%	2
9	Kết cấu mặt đường		BTN - Cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{vc} \geq 155 \text{ MPa}$
10	Tải trọng thiết kế		
10.1	Tuyến	kN	120
10.2	Công trình trên tuyến		
	Cống qua đường		H30-XB80
	Cống dọc trên vỉa hè		H10-X60
11	Tần suất thiết kế (tuyến, công trình trên tuyến)	%	4
II	Công trình cầu		
1	Tải trọng thiết kế		
	Tải trọng xe	Xe	HL93
	Tải trọng người đi bộ	MPa	0,003
2	Tần suất thiết kế		
	Cầu nhỏ	%	4
	Cầu lớn	%	1
3	Khổ cầu	m	$3 + 9,5 + 2 + 9,5 + 3 = 27$
III	Công trình thoát nước		Bằng bê tông cốt thép

- Hệ thống an toàn giao thông.
- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, hào kỹ thuật, vỉa hè - cây xanh, điện chiếu sáng, cống thủy lợi, cấp điện.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng 533-Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc, Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Thiên Hoàng.

6. Chủ nhiệm lập dự án: Ks. Phan Công Phương.

7. Địa điểm xây dựng: Thành phố Quảng Ngãi và huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Diện tích sử dụng đất: 27,5ha.

9. Loại và cấp công trình:

- Công trình giao thông, cấp II.
- Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp II.
- Công trình năng lượng, cấp IV.
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV.

10. Số bước thiết kế: 02.

11. Phương án xây dựng:

11.1. Bình đồ: Tuyến được thiết kế hoàn toàn mới, hướng và tìm tuyến thiết kế tuân thủ các điểm khống chế tọa độ theo quy hoạch được duyệt (đã được UBND tỉnh thống nhất tại Thông báo số 25/TB-UBND ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

11.2. Trắc dọc: Thiết kế cao độ đường đồ theo cao độ các điểm khống chế trong quy hoạch được duyệt, các điểm kết nối với các đường hiện hữu, phù hợp với bình đồ, trắc ngang thiết kế, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo cấp hạng tuyến đường thiết kế.

11.3. Trắc ngang: Trắc ngang được thiết kế theo đúng quy hoạch được duyệt với quy mô nền đường, mặt đường và độ dốc theo mục 4 nêu trên.

11.4. Nền đường: Chủ yếu là nền đắp, vét hữu cơ, bóc đất phong hóa trước khi đắp bằng đất đồi đầm chặt $K \geq 0,95$, đảm bảo $CBR \geq 5$, cục bộ đoạn nền đường yếu, nước ngầm được đắp cát; 30cm trên cùng đắp đất đồi đầm chặt $K \geq 0,98$, đảm bảo $CBR \geq 8$; Nền đào được đào và thay 30cm lớp đất sét kết cấu áo đường bằng lớp đất đồi đầm chặt $K \geq 0,98$; mái taluy nền đắp 1:1,5, đắp bằng đất đồi, gia cố bằng tấm BTCT M150 đá 1x2 đúc sẵn tại những vị trí cần thiết, mái taluy nền đào 1:1.

11.5. Mặt đường (các lớp kết cấu từ trên xuống): Lớp BTNC12,5 dày 5cm, Lớp BTNC19 dày 7cm, Lớp cấp phối đá dăm loại 1 $D_{\max} = 25\text{mm}$ dày 15cm, Lớp cấp phối đá dăm loại 2 $D_{\max} = 37,5\text{mm}$ dày 35cm.

11.6. Bó vỉa: Bề mặt bê tông M300, chiều cao bó vỉa $h = 15\text{cm}$, chiều cao dải phân cách $h = 50\text{cm}$.

11.7. Nút giao thông: Bố trí các nút theo quy hoạch được duyệt và nút vượt nối đường dân sinh; Thiết kế nút giản đơn, giao cắt cùng mức, vượt nối êm thuận và đảm bảo an toàn giao thông. Kết cấu mặt đường trong nút như tuyến chính.

11.8. Thoát nước ngang:

- Trên tuyến bố trí 20 cống các loại, gồm: 03 cống tròn $\Phi 1000$, 02 cống tròn $\Phi 200$, 01 cống tròn $2\Phi 1500$, 01 cống vuông $V(50 \times 50)\text{cm}$, 01 cống vuông $V(75 \times 75)\text{cm}$, 02 cống vuông $V(100 \times 100)\text{cm}$, 02 cống hộp $3H(2,5 \times 2,0)\text{m}$, 01 cống hộp $2H(4,5 \times 1,8)\text{m}$, 01 cống hộp $2H(3,0 \times 3,0)\text{m}$, 01 cống hộp $H(2,4 \times 1,4)\text{m}$, 02 cống hộp $H(2,0 \times 2,0)\text{m}$, 03 cống hộp $2H(2,0 \times 2,0)\text{m}$.

- Kết cấu: Ống cống tròn bằng BTCT ly tâm M300, thân cống vuông bằng BTCT M250; thân cống hộp bằng BTCT M300; móng cống bằng BT M150; tường đầu, tường cánh bằng bê tông M150; móng tường đầu, tường cánh, chân khay, sân công bằng bê tông M150; bản vượt bằng BTCT M250 đối với cống vuông, cống hộp trong phạm vi mặt đường.

11.9. Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/ BGTVT.

11.10. Công trình cầu:

- Cầu Km1+186,16: Cầu gồm 1 nhịp dầm bản DU'L $L_n = 24\text{m}$, chiều dài toàn cầu $L = 36,1\text{m}$ (tính từ 2 đuôi mố).

+ Kết cấu nhịp: Thiết kế cầu dầm bản BTCT DU'L, chiều cao dầm $h_d = 0,95\text{m}$; Mặt cắt ngang gồm 26 phiến dầm BTCT DU'L 40Mpa đặt cách nhau 1m. Lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa chặt BTNC 12,5 dày 7cm, lớp phòng nước dạng phun, lớp BTCT tăng cường bản mặt cầu 30MPa dày 15cm. Gờ lan can và lề bộ hành bằng BTCT 25MPa đổ tại chỗ. Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng. Khe co giãn tại hai mố bằng khe ray thép. Gối cầu bằng cao su lõi thép. Ống thoát nước bằng nhựa PVC D150. Bản dẫn 2 đầu cầu bằng BTCT 25MPa.

+ Mố tường dạng chữ U bằng BTCT 30MPa; móng mố là móng cọc khoan nhồi có đường kính $D = 1000\text{mm}$, cọc khoan nhồi bằng bê tông 30Mpa; Gối kê bằng vữa không co ngót 40 MPa; Nón mố, taluy đường đầu cầu, chân khay bằng bê tông 12Mpa.

- Cầu Km2+316,14: Cầu bố trí theo sơ đồ gồm 2 nhịp, mỗi nhịp có chiều dài $L_n = 21\text{m}$, chiều dài toàn cầu $L = 52,15\text{m}$ (tính từ 2 đuôi mố).

+ Kết cấu nhịp: Thiết kế cầu dầm bản BTCT DU'L, chiều cao dầm $h_d = 0,8\text{m}$; Mặt cắt ngang gồm 26 phiến dầm BTCT DU'L 40Mpa đặt cách nhau 1m. Lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa chặt BTNC 12,5 dày 7cm, lớp phòng nước dạng phun, lớp BTCT tăng cường bản mặt cầu 30MPa dày 15cm. Gờ lan can và lề bộ hành bằng BTCT 25MPa đổ tại chỗ. Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng. Khe co giãn bằng khe ray thép. Gối cầu bằng cao su lõi thép. Ống thoát nước bằng nhựa PVC D150. Bản dẫn 2 đầu cầu bằng BTCT 25Mpa.

+ Mố tường dạng chữ U bằng BTCT 30MPa, trụ đặc dạng thân cột bằng BTCT 30MPa; móng mố, trụ là móng cọc đóng KT(40x40)cm; Gối kê bằng vữa không co ngót 40 Mpa; nón mố, taluy đường đầu cầu, chân khay bằng bê tông 12Mpa.

11.11. Hạ tầng kỹ thuật:

a) Thoát nước mưa:

Thiết kế nằm dưới vỉa hè dọc hai bên tuyến đường giao thông. Sử dụng cống tròn ly tâm BTCT đúc sẵn có đường kính $\varnothing(600-1800)$ và cống hộp BTCT B = (0,6 - 2,2)m, cống dưới vỉa hè chịu tải trọng H10-XB60, cống dưới đường chịu tải trọng H30-XB80, nối cống tròn bằng gioăng cao su kết hợp chèn vữa, cống hộp thiết kế đổ tại chỗ. Hệ thống thoát nước được thu gom và thoát các tuyến cống thoát nước ngang và các kênh hiện trạng; độ dốc dọc tuyến $i = (0,15 - 0,25)\%$. Giếng thăm bằng bê tông M200 đối với các vị trí nằm trên vỉa hè và bằng BTCT M200 đối với các vị trí nằm dưới đường, đan đáy giếng thăm bằng đan BTCT M250 kết hợp đan gang định hình; hố thu kết hợp ngăn mùi được sản xuất bằng công nghệ bê tông thành mỏng, đáy đan song gang chắc rác.

b) Hào kỹ thuật:

Thiết kế nằm dưới vỉa hè dọc hai bên trái tuyến đường giao thông (ngoại trừ đoạn nằm trong quy hoạch Khu công nghiệp VSIP) và các cống ngang tại các nút giao thông. Sử dụng hào 03 ngăn theo công nghệ bê tông thành mỏng đúc sẵn, tại các kết cấu bằng BTCT M200, đập đan BTCT.

c) Vỉa hè + cây xanh: Thiết kế nằm dọc hai bên tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Vỉa hè lát gạch terrazzo (400x400x3) trên lớp đệm bê tông M150. Cây xanh trồng cây Sao Đen với khoảng cách trung bình khoảng 10m, hố trồng cây kích thước (1x1)m, thành hố bằng bê tông M200.

d) Điện chiếu sáng:

Thiết kế nằm trên vỉa hè và trên dải phân cách dọc tuyến đường. Nguồn điện được đấu nối từ lưới hạ thế trong khu vực. Tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dọc theo vỉa hè và trên dải phân cách, trụ đèn sử dụng trụ thép mạ kẽm cần đèn đơn rời cao 11m (trong đó: Trụ cần đèn đơn (80 bộ), trụ cần đèn đôi (162 bộ), trụ cần đèn ba (18 bộ)), đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED công suất 120W. Dây dẫn sử dụng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC(4x25)mm², chiều dài tuyến đường dây ngầm khoảng 10.000m. Bố trí đèn tín hiệu giao thông tại 03 vị trí: Nút giao với đường Quốc lộ 24B, Nút giao với đường Tỉnh lộ 623C, nút giao với đường Quốc lộ 1.

11.12. Cấp điện:

11.12.1. Phần đường dây 22kV

a) Phần dây dẫn và phụ kiện

- Cấp điện áp 22kV, kết cấu lưới điện 3 pha, 3 dây.
- Dây dẫn trung áp xây dựng mới dùng loại dây nhôm bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: A/XLPE/PVC- 70mm²-12,7/24/kV.
- Cách điện đứng: Sử dụng loại bằng hợp chất polymer sử dụng loại đi kèm kẹp giữ dây. Ký hiệu: SĐ-22. Các vị trí đỡ thẳng, đầu lèo dùng 01 cách điện đứng đỡ dây dẫn cho 1 pha. Các vị trí đỡ vượt, đỡ góc dùng 02 cách điện đứng đỡ dây dẫn cho 1 pha.
- Dây bọc trung thế phải sử dụng phụ kiện phù hợp, tránh các trường hợp làm hư hỏng lớp vỏ cách điện, làm mất an toàn trong quá trình vận hành và gây sự cố.
- Cách điện chuỗi sử dụng ở vị trí néo cuối, néo dừng và néo góc dùng loại hợp chất polymer. Liên kết chuỗi bằng móc chữ U chịu lực tối thiểu 70kN.
- Tại vị trí rẽ nhánh đầu nối vào đường dây 22kV dùng bộ đầu rẽ nhánh cho dây nhôm có tiết diện phù hợp.

* Nối dây dẫn:

- Đầu lèo sử dụng khóa đầu lèo. Mỗi vị trí 1 pha sử dụng 1 bộ.
- Rẽ nhánh sử dụng bộ đầu rẽ cho dây bọc. Mỗi vị trí 1 pha sử dụng 1 bộ.

- Sử dụng ống nối bằng nhôm kiểu ép thủy lực có tiết diện phù hợp cho các vị trí nối dây chịu lực. Mỗi pha dùng một ống nối và không được nối dây tại các khoảng vượt.

b) Các biện pháp bảo vệ

- Bảo vệ đầu tuyến đường dây trung thế xây dựng mới bằng dao cách ly đường dây LTD. Tại vị trí cột đầu nối sử dụng hệ thống tiếp địa hiện có.

- Tất cả các vị trí cột đường dây 22kV có tiếp địa phải được nối đất đầu cột với xà; các chi tiết bằng thép của tiếp địa cột phải được mạ kẽm nhúng nóng với bề dày lớp mạ tối thiểu phải đạt 0,085mm.

- Hành lang tuyến theo đúng Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

- Đánh số thứ tự cột, các thiết bị đóng cắt; lắp đặt biển báo an toàn và treo cờ chỉ thị pha trên lưới điện theo quy định của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung ban hành kèm theo Văn bản số 2897/EVNCPC-KT ngày 23/04/2018 qui định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Tại vị trí cột đầu nối có lắp cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn, theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là 100x50x3, có lỗ khoan để gắn trực tiếp vào dây dẫn.

c) Phần xây dựng đường dây

- Cột: Dùng cột bê tông ly tâm đúc sẵn cao 14 m.

- Móng cột: Dùng móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ. Đúc móng bằng bê tông M150, lót móng bằng bê tông M150. Chèn khe hở giữa cột và móng bằng bê tông M200. Khi thi công phải đúc móng trước khi dựng cột. Ký hiệu: MTD-3.

- Xà và cổ dè: Toàn bộ xà được gia công từ thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85 μ m.

11.12.2. Phần trạm biến áp

a) Vị trí và dung lượng trạm:

- Chọn 01 máy biến áp 3 pha với dung lượng 30kVA - 22/0,4kV được đặt cuối tuyến đường dây trung thế 22kV xây dựng mới.

b) Sơ đồ nối điện:

- Phía trung áp của máy biến áp dùng sơ đồ khối đường dây-máy biến áp.

- Phía 0,4kV của máy biến áp: Dùng sơ đồ 1 lộ tổng cho 1 lộ ra.

- Tủ điện hạ áp đặt tại trạm biến áp gồm có 02 ngăn: 01 ngăn bố trí aptomat, 01 ngăn bố trí các đồng hồ đo đếm điện năng hữu công và vô công để tiện cho việc quản lý, vận hành sau này.

c) Các biện pháp bảo vệ:

- Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía trung áp dùng cầu chì tự rơi (FCO-24kV) đặt ngoài trời.

- Bảo vệ sóng quá điện áp truyền từ đường dây vào trạm dùng chống sét van (LA-18kV).

- Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía hạ áp bằng aptômat tổng loại 3 pha, 3 cực 75A - 600V.

* Nối đất:

- Tại trạm biến áp xây dựng mới 01 hệ thống nối đất chung kiểu cọc, tia hỗn hợp; Ký hiệu: LR-16 gồm 16 cọc bằng thép L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng dài 2 mét làm các cọc nối đất. Thanh tiếp đất bằng thép tròn CT3 Φ12 mạ kẽm. Liên hệ giữa các cọc và thanh bằng liên kết hàn điện.

- Dây nối từ vỏ các thiết bị, chống sét van, trung tính MBA đến dây tiếp địa cột, dùng dây đồng trần M35. Dây tiếp địa nối từ hệ thống tiếp địa trạm lên đến xà lắp FCO, LA phải dùng dây thép dẹt -40x4 mạ kẽm nhúng nóng. Trị số điện trở nối đất trung tính của máy biến áp theo qui định tại Điều I.7.52 của Quy phạm trang bị điện 11TCN-18-2006 và các chi tiết tiếp đất khác thực hiện theo Điều II.5.72 của Quy phạm trang bị điện 11TCN-19-2006.

- Tất cả các chi tiết nối đất đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 0.085 mm.

d) Các giải pháp đấu nối:

- Đấu nối từ đường dây trung thế đến MBA dùng loại dây đồng bọc XLPE 24kV. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC 50mm² – 12.7/22(24) kV.

- Đấu nối từ MBA đến aptômat tổng dùng cáp 4 ruột đồng bọc cách điện XLPE, vỏ bọc PVC. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(3x50+1x35) mm² và được luồn trong ống nhựa HDPE Φ85/65.

e) Đo lường: Đo đếm điện năng bằng công tơ điện tử 3 pha 220/380V - 5A thông qua biến dòng đặt tại tủ điện trạm biến áp.

g) Phần xây dựng:

- Trạm biến áp được xây dựng theo kiểu treo trên cột đôi BTLT 14m, đặt máy ngoài trời, xung quanh không có tường rào bảo vệ.

- Hệ xà trạm: Gia công bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 0,085 mm

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Thực hiện theo mặt cắt ngang nền đường chiếm dụng.

13. Tổng mức đầu tư: **694.057.185.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	405.853.819.000 đồng.
- Chi phí bồi thường GPMB, tái định cư:	127.918.955.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	5.797.491.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	19.159.962.000 đồng.
- Chi phí khác:	34.481.042.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	100.845.916.000 đồng.

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh, vốn quỹ đất và các nguồn vốn hợp pháp khác.

15. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2023.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt.

2. Thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư theo Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

3. Thực hiện các nội dung kiến nghị nêu tại Kết quả thẩm định dự án của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 1869/SGTVT-QLCL ngày 22/7/2019.

4. Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 1181-KL/TU ngày 23/8/2019; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện đối với nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.600.

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng